

NHỮNG ĐẶC TRƯNG BIẾN ĐỔI CHỦ YẾU CỦA CỤC DIỆN KINH TẾ KHU VỰC ĐÔNG Á

TS. VŨ VĂN HÀ

Viện Nghiên cứu Đông Bắc Á

Sự phát triển khá mạnh mẽ của nhiều nền kinh tế khu vực trong thời gian vừa qua cho phép ta đánh giá và nhìn nhận về sự chuyển biến của cục diện kinh tế khu vực Đông Á trên những nét cơ bản sau

1. Khu vực các nền kinh tế Đông Á vào thập kỷ thứ hai của thế kỷ XXI sẽ có qui mô và vị thế kinh tế hàng đầu trên thế giới. Đông Á là một trung tâm kinh tế của thế giới

Với kết quả tăng trưởng mạnh mẽ của khu vực đã tạo cho khu vực Đông Á một qui mô kinh tế lớn. Hiện nay, thế giới có ba trung tâm tạo ra những sản phẩm tương đối ngang nhau là Đông Á, Mỹ và Tây Âu. Vào những năm 1970 và 1980, qui mô kinh tế của Đông Á thua kém khá nhiều các khu vực khác trên thế giới. Mức GDP của Nhật trong khoảng 30 năm qua tăng gần 3 lần, của Trung Quốc tăng hơn 10 lần, của Đông Á không kể Nhật cũng tăng gần 8 lần¹. Chính sự gia tăng này đã nâng cao vị thế kinh tế của khu vực Đông Á trong nền kinh tế thế giới. Vào năm 1998, mặc dù Đông Á chịu tác động mạnh của khủng hoảng kinh tế nhưng tổng mức GDP của Đông Á chiếm trên 20% GDP toàn cầu, trong khi đó EU: 27,6% và Mỹ là 28,2%. Nếu nhìn tỷ lệ này ở năm 1980, Đông Á mới chỉ chiếm 13,8 %, trong khi đó EU : 14,2 % và Mỹ là 24 %. Và với xu thế tăng trưởng hiện nay năm 2010 GDP (PPP) của Trung Quốc xấp xỉ của Mỹ.

Sự gia tăng mạnh mẽ của Đông Á đã làm thay đổi cục diện kinh tế thế giới. Các nền kinh tế Đông Á hiện nay chiếm một tỷ phần quan trọng trong thương mại và đầu tư quốc tế. Theo số liệu thống kê của Viện Kinh tế phát triển Tokyo tỷ trọng xuất khẩu của Đông Á trong xuất khẩu của toàn thế giới tăng từ 9% thời kỳ 1980-1985 lên tới gần 18% năm 1997. Riêng nhóm các nền kinh tế mới công nghiệp hoá đã tăng tỷ trọng xuất khẩu trong cùng thời gian trên từ 4% lên 8%. Đặc biệt Trung Quốc là quốc gia có tốc độ tăng trưởng rất mạnh và đến năm 1998 nước này đã chiếm tới 3% xuất khẩu của thế giới². Nếu tính cả phần của Nhật Bản, tỷ trọng xuất khẩu của Đông Á chiếm tới 25,9% tổng xuất khẩu toàn thế giới³. Bên cạnh xuất khẩu, Đông Á cũng là nơi thu hút nhiều đầu tư của nước ngoài, nếu chỉ tính các nước đang phát triển trong khu vực, tổng lượng FDI thu hút chiếm 20% tổng FDI toàn cầu vào giữa thập kỷ 1990, trong đó Trung Quốc là nước thu hút được nhiều nhất FDI trong khu vực và là một trong 3 quốc gia đứng đầu trên thế giới về chỉ tiêu này. Điều cũng cần thấy là, do sự gia tăng của chủ nghĩa bảo hộ, những thay đổi trong tỷ giá hối đoái, trong lao động và các chi phí khác..đầu tư trực tiếp toàn cầu đã tăng lên làm cho bản thân các nước Đông và Đông Nam Á cũng hướng mạnh nguồn FDI của mình ra bên ngoài. Chẳng hạn do tăng giá đồng yên, nhất là sau 1985 Nhật đã đẩy mạnh đầu tư ra bên ngoài trong đó đáng

¹ Verena Blenhinger and Jochen Legewie..., tr. 158 (Tài liệu tham khảo 4)

² Suy ngẫm lại sự thần kỳ Đông Á, . tr.517 (Tài liệu tham khảo 1)

³ Ngân hàng Thế giới, Báo cáo phát triển 1995

kể là vào ASEAN và NICs châu Á, ngay bản thân Hàn Quốc và Đài Loan cũng đẩy mạnh gia tăng đầu tư vào khu vực này. Do vậy có thể thấy do tăng cường tiềm lực kinh tế các nước trong khu vực đã không chỉ là nơi nhận đầu tư chính như trước đây mà sang thập kỷ 1990 đã trở thành thực thể vừa nhận đầu tư vào và thực hiện đầu tư ra với qui mô ngày càng tăng.

Rõ ràng là, cùng với bước phát triển mạnh của các nền kinh tế Đông Á, cục diện kinh tế thế giới đã có biến đổi theo chiều hướng gia tăng vai trò và vị trí kinh tế của khu vực Đông Á. Khu vực này theo như đánh giá của Hội nghị hàng năm về châu Á tại Bắc Ngao năm 2004 là “đang trở thành ngôi sao đang lên trong nền kinh tế toàn cầu”. Và với tốc độ này đến 2020 qui mô kinh tế Đông Á sẽ đứng đầu thế giới.

2. Trật tự kinh tế khu vực sẽ thay đổi gắn liền với qui mô kinh tế và tốc độ phát triển khác nhau giữa các nền kinh tế trong khu vực. Trung Quốc và Nhật Bản sẽ là hai động cơ chủ lực trong con tàu kinh tế Đông Á.

Điều cần nhận thấy là, sự suy thoái của Nhật Bản là sự suy thoái của một mô hình tăng trưởng đã trưởng thành. Điều này cho thấy Nhật Bản đã đến lúc phải cải cách, tìm kiếm một mô hình tăng trưởng mới phù hợp với giai đoạn đã trưởng thành của mình. Trước đây là sự đuổi bắt còn nay là sáng tạo phát triển. Vì vậy sự giảm sút tương đối vai trò là đầu tàu tăng trưởng của Nhật Bản trong một thập kỷ qua không có nghĩa “Nhật Bản đã hết thời” hay “cái chết thảm hại của một con rồng” như có ý kiến đã từng đánh giá. Nhìn về xu hướng phát triển chung của khu vực cũng như dự báo triển vọng tăng trưởng của Nhật và tiềm lực hiện có về vốn, công nghệ, cơ sở hạ tầng của quốc gia này thì trong 15 đến 20 năm tới khó có nền kinh tế nào thay thế được vai trò của Nhật Bản. Và trên thực tế Nhật Bản sẽ

vẫn đóng vai trò là người dẫn dắt kinh tế ở Đông Á.

Thứ nhất, Nhật Bản là nước chủ yếu chi phối mô hình phát triển kinh tế của các nước Đông Á trong thập kỷ tới. Như trên đã phân tích Nhật Bản là nước đi trước trong khu vực, cái mà Nhật Bản đang phải giải quyết hiện nay đang và sẽ là những cái mà các nền kinh tế khác trong khu vực phải tính đến. Trên thực tế cuộc cải cách kinh tế của Nhật Bản vào cuối thập niên 90 cũng tác động trực tiếp đến sự phát triển kinh tế của các nước trong khu vực. Suy thoái kinh tế kéo dài khiến Nhật Bản và các nước châu Á có cơ hội nhìn nhận lại mô hình phát triển của mình và có những điều chỉnh kinh tế thích hợp. Hàng loạt nước trong khu vực đã tiến hành nới lỏng sự can thiệp của chính phủ, cải cách khu vực kinh tế công cộng, tự do hoá mậu dịch, cải cách cơ cấu, cải cách hệ thống tài chính ngân hàng... giống như Nhật Bản đã và đang làm để lấy lại sự phục hồi kinh tế. Rõ ràng những cải cách kinh tế của Nhật Bản theo hướng phát triển nền kinh tế tri thức, chuyển từ mô hình “đuổi bắt” sang mô hình “sáng tạo” sẽ là một sự gợi ý, một sự khởi đầu cho nhiều nước châu Á đang trong quá trình công nghiệp hoá. Vai trò đầu tàu về mặt sáng tạo mô hình phát triển mới này, ngoài Nhật Bản, chưa có nước nào trong khu vực có thể đảm nhiệm được trong những thập niên đầu của thế kỷ XXI.

Thứ hai, Nhật Bản tiếp tục thể hiện vai trò chi phối trong việc thành lập Cộng đồng kinh tế Đông Á trong tương lai. Sau thất bại của Vòng đàm phán thương mại thế giới tổ chức tại Cancun - Mêhicô vào tháng 10/2003, xu hướng hợp tác kinh tế khu vực ngày càng tăng lên. Điều này giúp Nhật Bản nhận rõ để củng cố vị trí của mình ở khu vực châu Á, cần phải nỗ lực thúc đẩy sự hợp tác kinh tế khu vực, có tiếng nói trọng lượng trong các diễn đàn và hội nghị của khu vực. Đặc biệt, hiện nay khi EU và Mỹ đang tăng

cường mở rộng liên kết khu vực, thì Nhật Bản và các nước Đông Á đương nhiên phải suy nghĩ rằng họ không thể đứng ngoài cuộc trong việc thành lập một cộng đồng kinh tế.

Nhận thức của Nhật Bản trong vấn đề duy trì sự chi phối của mình ở Đông Á chỉ thực sự sáng tỏ khi Trung Quốc và các nước ASEAN thoả thuận thiết lập Khu thương mại tự do vào tháng 11/2001, thời hạn thực hiện là 10 năm. Từ trước tới nay, Nhật Bản vẫn tự cho mình là đầu tàu dẫn dắt các nền kinh tế Đông Á. Tuy nhiên sự nổi lên của nền kinh tế Trung Quốc trong thời gian gần đây và sự thành lập Khu vực thương mại tự do Trung Quốc - ASEAN đã đặt ra cho Nhật Bản một cách nhìn mới về quan hệ đối thoại với các nước Đông Á. Trong thời đại hiện nay và trong những thập kỷ tới, Nhật Bản sẽ phải chuyển từ vị trí khổng chế sang chiến lược vừa hợp tác vừa cạnh tranh với các nước Đông Á. Trong chuyến viếng thăm 5 nước ASEAN gồm Philippin, Malaixia, Thái Lan, Indônêxia và Singapo vào đầu năm 2002, Thủ tướng Koizumi đã ký kết với Singapo một Hiệp định kinh tế vì một sự hợp tác trong kỷ nguyên mới (EPA) và đưa ra "Sáng kiến hợp tác kinh tế toàn diện Nhật Bản - ASEAN". EPA với Singapo là một EPA đầu tiên trong lịch sử phát triển kinh tế của Nhật Bản, và Sáng kiến Hợp tác kinh tế toàn diện Nhật Bản - ASEAN đã cho thấy một tầm nhìn mới, rộng lớn hơn trong chính sách ngoại giao của Nhật Bản. Đây là một sáng kiến có nhiều tham vọng, là bước đi đầu tiên mà Nhật Bản, vốn trước kia chỉ luôn dựa vào những ký kết đàm phán đa phương để làm cơ sở cho các chính sách thương mại của họ, quay trở lại chủ nghĩa khu vực trong thời gian tới.

- Thứ ba, vai trò dẫn dắt của Nhật Bản còn thể hiện ở chỗ là người nắm công nghệ nguồn và nhà đầu tư phát triển chính của khu vực. Trong thời gian tới, Nhật Bản tiếp

tục đẩy mạnh chuyển sang nền kinh tế tri thức, và vì vậy nhu cầu chuyển các ngành công nghiệp truyền thống sang các nước khác cũng gia tăng. Nhật Bản tập trung phát triển các ngành có hàm lượng công nghệ cao, nắm giữ khâu then chốt trong mạng lưới sản xuất khu vực. Trong khi đó, Trung Quốc trong hai thập kỷ tới vẫn là nước nhận đầu tư chứ chưa phải là nước có nguồn vốn đầu tư lớn ra nước ngoài. Dưới sức ép nổi lên của Trung Quốc, Nhật Bản đã buộc phải quay về châu Á và điều đó sẽ khiến đầu tư ra nước ngoài của Nhật Bản vào châu Á sẽ tăng lên rất nhanh và vì vậy càng khẳng định vai trò của Nhật Bản trong khu vực. Dự báo trong hai thập kỷ tới, Nhật Bản sẽ tập trung đầu tư chủ yếu vào Trung Quốc để tận dụng những lợi thế về chi phí lao động thấp của Trung Quốc. Kết quả là, đầu tư trực tiếp từ các nước phát triển sẽ tiếp tục đổ dồn vào Trung Quốc. Các nước khác không dễ dàng gì khi cạnh tranh với Trung Quốc về chi phí lao động, và Nhật Bản không thể bỏ qua những cơ hội đó. Sự ưu tiên đầu tư của Nhật Bản cũng sẽ tập trung vào các nước ASEAN bởi đây là khu vực thuận lợi nhất để Nhật Bản tiếp tục chuyển giao các công nghệ truyền thống. Tuy nhiên, mục tiêu đầu tư của Nhật Bản vào các nước ASEAN trong thời gian tới sẽ có sự khác nhau do có sự chênh lệch về trình độ phát triển giữa các nước ASEAN. Trong khi đó, đầu tư của Nhật Bản vào các NIEs sẽ có xu hướng tăng nhẹ vì các nước này bắt đầu có sự độc lập tương đối trong quan hệ với Nhật Bản nhờ trình độ phát triển kinh tế được nâng cao. Bên cạnh đó, Nhật Bản vẫn tiếp tục là nước có nguồn vốn viện trợ phát triển lớn nhất trên thế giới và trong khu vực châu Á. Về mặt này, Trung Quốc chưa thể làm nổi. Hiện nay, các nước châu Á đang chiếm khoảng 60% viện trợ phát triển ODA của Nhật Bản và hướng ưu tiên viện trợ của Nhật Bản trong thời gian tới sẽ giành cho các nước châu Á có thu nhập thấp, trình độ

phát triển kinh tế trung bình và kém như Lào, Campuchia, Mianma, Việt Nam, Indônêxia, Ấn Độ, Trung Quốc.

Nhấn mạnh vai trò của Nhật Bản đối với tăng trưởng của khu vực trong tương lai do qui mô và sự vượt trước trong tiến trình phát triển. Song chúng ta cũng không thể không nhận thấy thực tế sức mạnh đang nổi lên, và nhu cầu khổng lồ của kinh tế Trung Quốc đã và đang là động lực phục hồi và tăng trưởng của các nền kinh tế khu vực, thậm chí của cả nền kinh tế thế giới. Chỉ trong thời gian 10 năm (1993-2002) Trung Quốc đã tăng tổng sản lượng công nghiệp hàng năm lên gần 3 lần và vì vậy đã đưa tỷ phần sản xuất công nghiệp của Trung Quốc trong nền công nghiệp thế giới từ 2,4% lên 4,7%. Theo Tạp chí Thời đại, xuất bản tại Mỹ số ra tháng 3/2004 cho thấy: Trung Quốc hiện nay sản xuất 60% xe đạp tiêu thụ trên toàn cầu, về giấy dếp - trên 50%, hàng dệt may chiếm 20% thị phần, máy điện thoại di động - 16%, Máy DVD - 51%, Máy lạnh - 26%, Tivi màu - 25%.... Trung Quốc còn hợp tác tham gia các bộ phận linh kiện và sản phẩm trung gian để lắp ráp thành các sản phẩm cao cấp tại các nước phát triển. Điều này làm gia tăng vai trò của Trung Quốc trong dây truyền sản xuất quốc tế.

Có thể thấy Đông Á là đối tác thương mại và đầu tư của Trung Quốc. Trong khu vực Nhật Bản là bạn hàng lớn nhất của Trung Quốc, còn Trung Quốc là bạn hàng lớn thứ hai của Nhật Bản và từ năm 2002 thay thế Mỹ trở thành bạn hàng lớn nhất của Nhật với tổng kim ngạch hai chiều là 101,5 tỷ USD⁴. ASEAN chiếm vị trí thứ ba trong đối tác thương mại của Trung Quốc. Trong những năm gần đây quan hệ thương mại Trung Quốc - ASEAN tăng trung bình hàng năm là 20%. Nếu năm 1991 kim ngạch thương mại hai chiều mới chỉ đạt 7,9 tỷ USD thì đến năm 2000 đạt 52,7 tỷ, tức tăng

32%. Hàn Quốc chiếm vị trí thứ tư trong quan hệ ngoại thương của Trung Quốc ở khu vực Đông Á. Nhìn chung các nền kinh tế trong khu vực đều gia tăng xuất nhập khẩu với Trung Quốc thay vì trước đây chủ yếu xuất sang thị trường Mỹ, Tây Âu và Nhật Bản bởi kinh tế các quốc gia này trì trệ trong khi kinh tế Trung Quốc phát triển nhu cầu mở rộng. Hiện nay có tới 70% hoạt động kinh tế đối ngoại của Trung Quốc tập trung ở Đông Á, 85% nhà đầu tư nước ngoài ở Trung Quốc là các doanh nghiệp Đông Á. Trung Quốc đang tăng cường hợp tác Đông Á, xem đây là trọng điểm then chốt và có tính chiến lược trong hoạt động kinh tế đối ngoại.

Với việc nhanh chóng mở rộng phạm vi giao lưu với các quốc gia và lãnh thổ trên thế giới cùng kết quả trở thành thành viên chính thức của WTO vào năm đầu thế kỷ XXI, Trung Quốc đã khẳng định rõ hơn vị thế của mình trên trường quốc tế và khu vực. Vị thế đó không chỉ thể hiện trên lĩnh vực kinh tế, mà còn thể hiện trong lĩnh vực chính trị và quân sự, đặc biệt trong vấn đề an ninh khu vực. Điều đó cũng có nghĩa là, Trung Quốc ngày càng có vai trò quan trọng hơn, to lớn hơn trước xu thế hình thành cục diện châu Á - Thái Bình Dương vào những thập niên đầu thế kỷ XXI. Quả vậy, thế giới và khu vực không thể không tính đến yếu tố Trung Quốc trong các mối quan hệ kinh tế, chính trị và an ninh quốc phòng. Bởi điều hết sức hiển nhiên và thực tế là, những quốc gia mạnh về kinh tế, có nền công nghệ hiện đại và thực lực quốc phòng hùng hậu đều có vai trò quan trọng và khả năng quyết định trong việc thu xếp, điều chỉnh các mối quan hệ quốc tế và khu vực.

Với sự giằng buộc lẫn nhau về kinh tế và là trung điểm tập trung nguồn vốn đầu tư trên thế giới, là thị trường xuất nhập khẩu chính của các quốc gia khu vực như đề cập trên, Trung Quốc thực sự có vai trò trọng

⁴ Tạp chí Nghiên cứu Nhật Bản và Đông Bắc Á, số 2/2004, tr. 72

yếu đối với tăng trưởng kinh tế khu vực hiện nay và tương lai.

Các nền kinh tế khác trong khu vực do sự phát triển của mình trong tổng thể kinh tế khu vực sẽ trở thành những mắt xích trong guồng máy chung. Với tính ràng buộc và tùy thuộc vào nhau thì một sự đứt đoạn nào cũng đều ảnh hưởng đến tình hình chung, song do qui mô các nền kinh tế khác trong khu vực có giới hạn nên có thể thấy tương lai, kinh tế khu vực tùy thuộc chính vào nền kinh tế Nhật Bản và Trung Quốc. Đây chính là hai động cơ trong con tàu kinh tế Đông Á. Và có thể nhận thấy rằng *mô hình tăng trưởng của Đông Á đang dần hiện rõ theo cơ cấu của con tàu phản lực tăng tốc với hai động cơ Trung Quốc và Nhật Bản.*

3. Với xu hướng phát triển như trên kết cấu kinh tế khu vực trong 15-20 năm tới cũng thay đổi mạnh. Do xu hướng tập trung phát triển các ngành của nền kinh tế mới (các ngành công nghệ cao, vật liệu mới...) làm cho sự bố trí địa lý phân ngành chế tạo truyền thống trước đây theo mô hình các ngành công nghệ cao ở Nhật Bản, sản xuất đại trà ở ASEAN và Trung Quốc đã có thay đổi. Thời gian qua chúng ta đã chứng kiến không chỉ ASEAN mà ngay cả Trung Quốc đã có sự phát triển sản xuất các mặt hàng kỹ thuật cao như ống hình, các tấm vi mạch điện tử... Do vậy đã hình thành sự phân công lao động quốc tế mới trong lĩnh vực chế tạo cơ khí với trình độ khoa học công nghệ cao và xu hướng này sẽ càng rõ nét trong thời gian tới gắn liền với sự trỗi dậy mạnh mẽ của Trung Quốc.

Không chỉ trong lĩnh vực công nghệ cao mà ngay trong lĩnh vực gia công quốc tế cũng có sự bố trí lại kết cấu trong phạm vi khu vực và thế giới. Trước đây ASEAN là địa bàn tổ chức các cơ sở sản xuất hàng hoá của các TNC Nhật Bản để xuất khẩu ra nước ngoài, thì nay vai trò đó đã chuyển dần sang Trung Quốc, Trung Quốc đang trở thành công xưởng của thế giới. Như vậy

đang định hình một hệ thống sản xuất gia công Đông Á lấy Trung Quốc làm trọng tâm. Chính với vai trò là một trung tâm chế tạo của khu vực và thế giới sẽ kéo theo một loạt các lĩnh vực dịch vụ khác phát triển đưa Trung Quốc trong tương lai trở thành một trung tâm dịch vụ quốc tế.

Trong mô hình phát triển trước đây, Nhật Bản được xem là con chim đầu đàn, tiếp theo là các nền kinh tế mới công nghiệp hoá châu Á và cuối cùng là các nước ASEAN. Kết cấu sản xuất khu vực này được hình thành và thúc đẩy bởi các nguồn đầu tư từ Nhật Bản. Chính vì vậy các nền kinh tế khu vực phụ thuộc rất lớn vào kinh tế Nhật Bản. Bản thân sự phát triển của Trung Quốc không phụ thuộc nhiều vào FDI từ Nhật Bản mà nguồn vốn vào Trung Quốc rất đa dạng. Sự thành công của Trung Quốc chính là ở chỗ họ biết sử dụng mạng lưới kinh doanh của mình ở nước ngoài và thúc đẩy các ngành công nghiệp của họ phát triển nhanh hơn nhiều so với các nền kinh tế Đông Á. Do sự tăng trưởng nhanh và mạnh của Trung Quốc nên mạng lưới kinh doanh kiểu Trung Quốc đã trở thành một mô hình cho liên kết kinh tế Đông Á. Rõ ràng là bản chất cơ cấu kinh tế khu vực Đông Á đang thay đổi từ sự thống trị của Nhật Bản sang khu vực rất đa dạng và năng động.

Do thay đổi trong kết cấu kinh tế khu vực đã dẫn đến có sự thay đổi, tổ chức lại các quan hệ buôn bán và hợp tác trong khu vực. Trước đây các nước đều xem trọng quan hệ với Nhật Bản thì nay đều chú ý tăng cường quan hệ với Trung Quốc. Trong 10-15 năm tới xu hướng này chắc chắn vẫn tăng cường gắn liền với ảnh hưởng của nền kinh tế Trung Quốc đến khu vực

4. Nếu trước những năm 1990 trong khu vực còn tồn tại sự đối lập giữa hai nhóm nước thì sau chiến tranh lạnh xu hướng hợp tác liên kết giữa các nước trong khu vực Đông Á ngày càng được tăng cường. Trong thời gian tới xu hướng

này tiếp tục được đẩy mạnh dưới các hình thức và cấp độ khác nhau, làm cho các quốc gia tùy thuộc vào nhau hơn và cũng vì vậy sẽ xuất hiện tình thế mới có lợi cho khu vực.

Một trong những nhân tố quan trọng thúc đẩy sự chuyển dịch này là quá trình toàn cầu hoá. Chính toàn cầu hoá thúc đẩy các quốc gia mở cửa cải cách, hội nhập, và quá trình này tạo ra các giá trị chung, các mối quan tâm chung ngày càng gắn kết các quốc gia. Trong tiến trình cải cách hướng đến hội nhập, các qui tắc và luật chơi sẽ dần được thống nhất, thể chế kinh tế của các quốc gia riêng lẻ sẽ có tính tương đồng với nhau cao hơn

Trong những năm trước mắt sự hợp tác khu vực được tiến triển cả trên cấp độ song phương và đa phương. Tuy nhiên do cục diện kinh tế khu vực đang trong quá trình định hình và do sự khác biệt trong lợi thế cạnh tranh và tính tương hỗ bổ xung cho nhau giữa các nền kinh tế khu vực nên dạng thức song phương sẽ là hướng được chú trọng hơn. Sẽ tiếp tục xuất hiện các hiệp định và thoả thuận song phương giữa các quốc gia Đông Bắc Á với nhau, giữa các quốc gia Đông Nam Á với nhau, song hình thức hợp tác song phương giữa Nhật Bản với ASEAN và Trung Quốc với ASEAN sẽ là hai dạng hình đóng vai trò quan trọng nhất trong khu vực Đông Á. Hai dạng hình này sẽ cùng phát triển và cạnh tranh nhau tạo ra thời cơ và thách thức với cả ASEAN cũng như với từng thành viên ASEAN, trong đó có Việt Nam. Sự tiến triển của hai dạng hình này còn thể hiện sự ganh đua vai trò giữa Nhật Bản và Trung Quốc trong khu vực.

Do sự hợp tác, liên kết gia tăng trong khu vực làm cho lợi ích khu vực rõ hơn và ngày càng gắn bó hơn với lợi ích quốc gia. Điều này rất có lợi cho sự phát triển của khu vực, nó góp phần vào đảm bảo an ninh phát triển chung, tạo ra những tiền đề, cơ sở cho việc

giải quyết những vấn đề còn tồn đọng của khu vực.

Tóm lại, cục diện kinh tế khu vực đang trong quá trình chuyển đổi với những đặc trưng mới đáng chú ý như trên, song chính bản thân quá trình phát triển của kinh tế khu vực đã, đang và sẽ chịu tác động của nhiều nhân tố bên trong và bên ngoài khu vực, các yếu tố về kinh tế cũng như các yếu tố ngoài kinh tế do vậy chắc chắn sẽ xuất hiện những tình thế mới. Điều này đặt ra cần phải có những nghiên cứu phân tích thường xuyên, kịp thời nắm bắt những xu hướng biến chuyển mới để có những chính sách thích ứng, thúc đẩy quá trình hội nhập, phát triển nền kinh tế đất nước.

TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

- 1 Ngân hàng Thế giới: *Suy ngẫm lại sự thân kỳ Đông Á*, NXB Chính trị Quốc gia, H. 2002
2. Lưu Vĩnh Đoàn: *Kinh tế châu Á bước vào thế kỷ XXI*, NXB Nông nghiệp, H. 1999
3. John Naisbitt: *Tám xu hướng phát triển của châu Á đang làm thay đổi thế giới*, NXB Chính trị Quốc gia, H. 1998
4. Verena Blenchinger and Jochen Legewie: *Facing Asia - Japan's Role in the Political and Economic Dynamism of Regional cooperation*, Tokyo, 4/2000.
5. Ipeei Yamazawa: *Asia - Pacific Regionalism and Japan's Strategy*, *Japan Review of International Affairs*, Vol. 15 N-3, 2001.
6. *Community Building in Asia Pacific - Dialogue in Okinawa*, Asia Pacific Agenda project, 2000. Tokyo -2000.
